

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Thị Thu Thủy  
Ông Đỗ Sơn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Diệu – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2022; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp HL, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

*Bị đơn:* Trần Vũ Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông bà kết hôn năm 1997 tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc tuy nhiên sau đó do mưu sinh nên dần phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Vũ Đ1, sinh ngày 09/4/1998 và Trần Nguyễn Mộng Nh, sinh ngày 28/11/2002. Hiện con chung đã

trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

*- Bị đơn ông Trần Vũ Đ đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.*

***Tại phiên toà:***

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận ông Đ, bà H là vợ chồng. Ông bà có 02 con chung tên Trần Vũ Đ1, sinh ngày 09/4/1998 và Trần Nguyễn Mộng Nh, sinh ngày 28/11/2002. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết. Án phí: theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ, địa chỉ cư trú của ông Đ thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Vũ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà H có đơn xin vắng mặt, ông Đ thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung giải quyết vụ án:**

[2.1] Bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay và nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn. Qua xác minh, ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ĐHC và hiện ông bà không còn chung sống cùng nhau, không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông Đ vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Theo yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy do ông bà không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ.

[2.4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Vũ Đ1, sinh ngày 09/4/1998 và Trần Nguyễn Mộng Nh, sinh ngày 28/11/2002. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Vũ Đ.

- Về quan hệ con chung: Ông Đ và bà H có 02 (hai) con chung tên Trần Vũ Đ1, sinh ngày 09/4/1998 và Trần Nguyễn Mộng Nh, sinh ngày 28/11/2002. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào

300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003593 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Trần Vũ Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Vũ Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Hương**